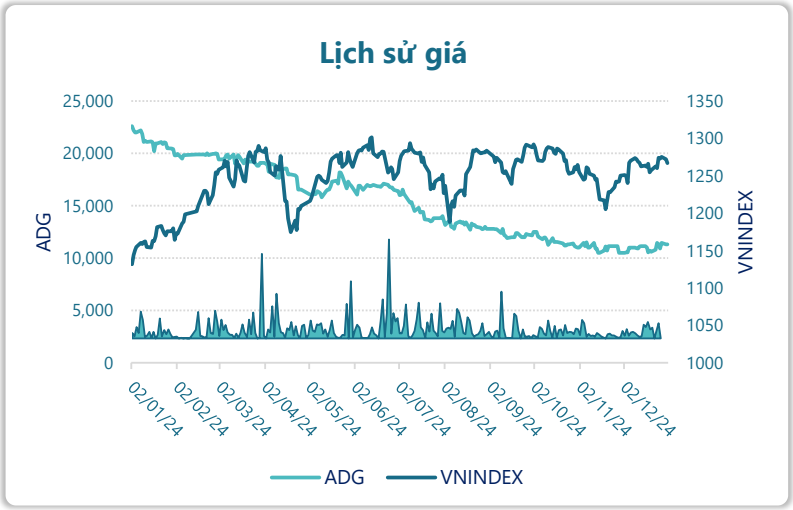
FireAnt

CTCP Clever Group (HSX: ADG)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
SL cổ phiếu LH	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,905
% sở hữu nước ngoài	46.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	242
P/E	13.6
EPS	828

DT thuần

Q4/24

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.0| 42.0%

YoY: ▲ 9.00| 6.5%

LN sau thuế

Q4/24

15.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.2| 567%

YoY: ▼8.30| -34.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.2%

+/- YoY: ▼ 2.1%

DT thuần

2024

464

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0| 12.7%

LN sau thuế

2024

21.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.10| -5.1%

ROE

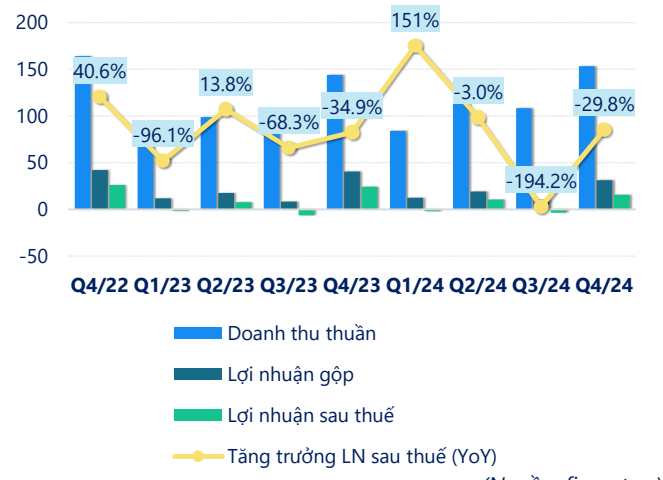
2024

4.8%

+/- YoY: ▼ 1.2%

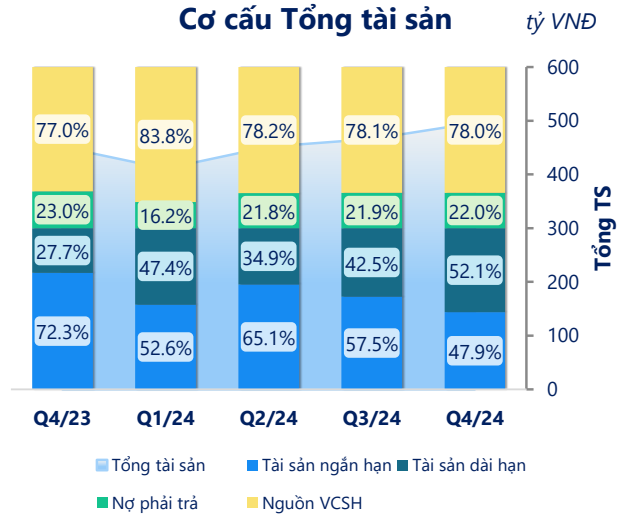
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



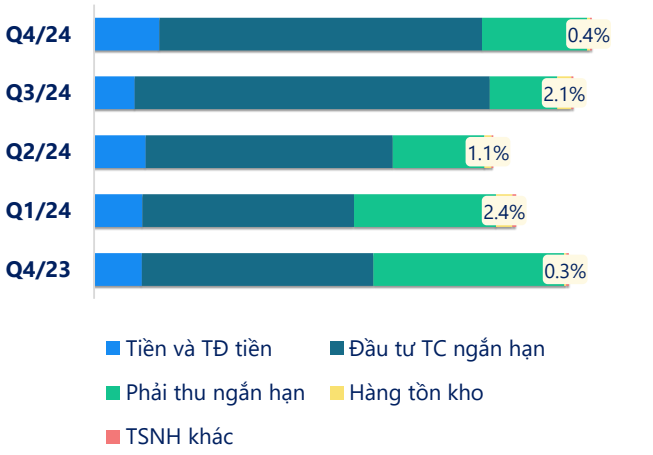
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



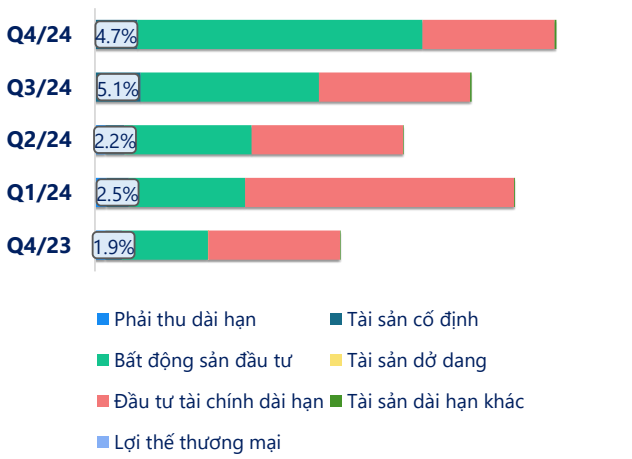
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



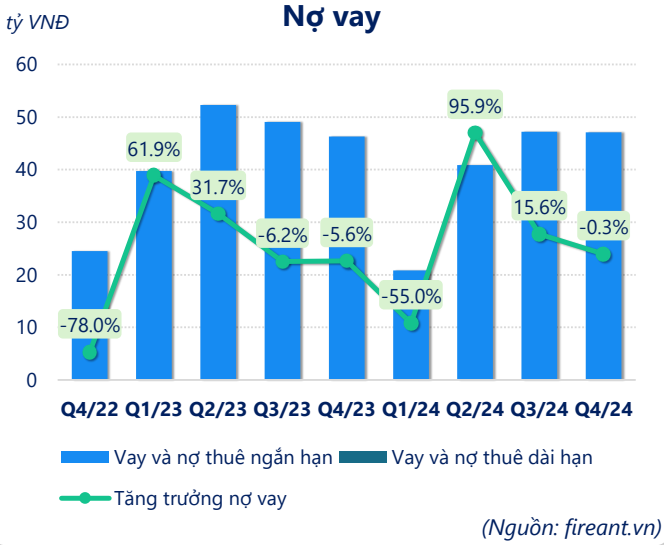
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



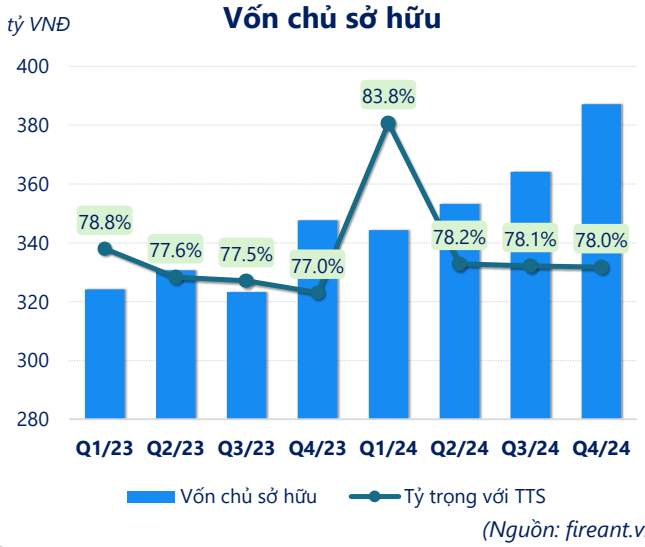
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



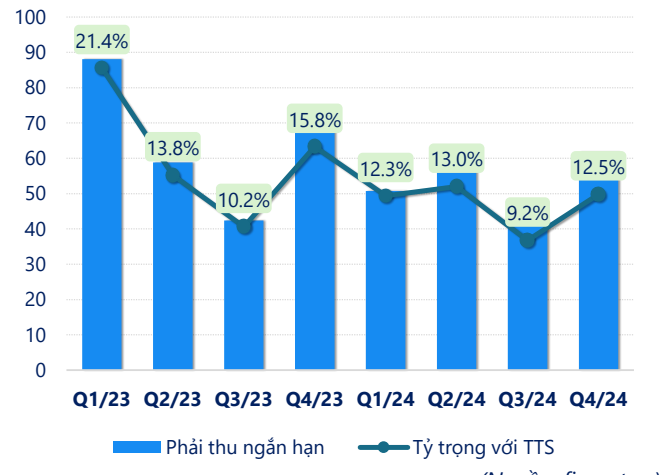
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



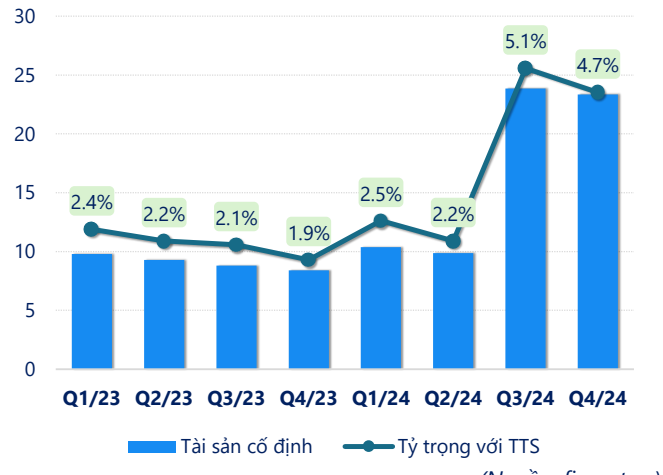
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



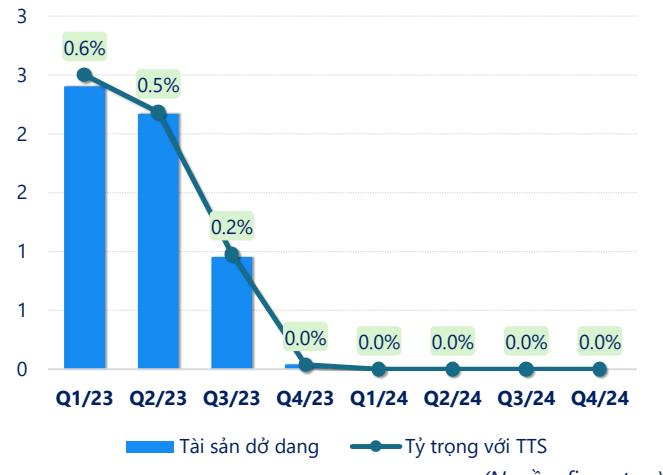
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



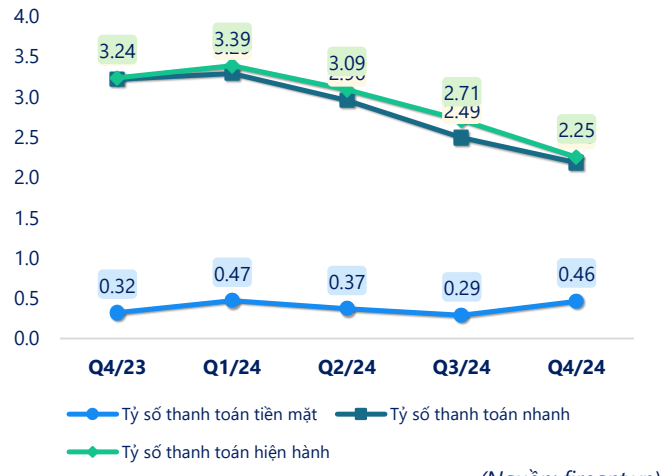
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



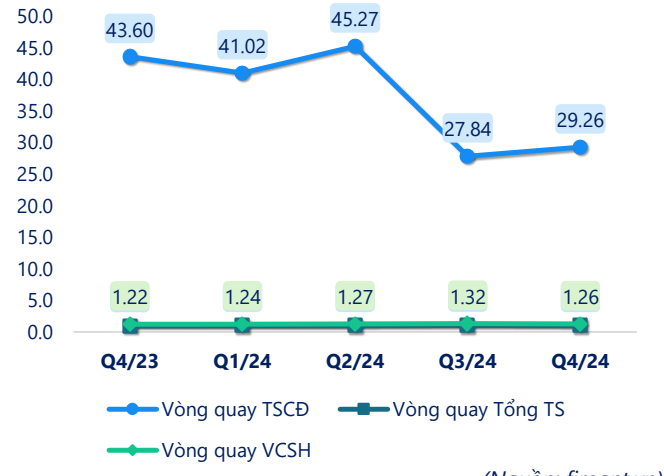
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**451**	**411**	**452**	**466**	**496**
Tài sản ngắn hạn	**326**	**216**	**294**	**268**	**238**
Tiền và tương đương tiền	32.5	30.0	35.1	28.5	48.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	128	187	174	119
Phải thu ngắn hạn	71.4	50.7	58.7	42.8	61.8
Hàng tồn kho	2.01	6.19	12.4	21.5	7.19
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	1.31	0.84	0.76	1.13
Tài sản dài hạn	**125**	**195**	**158**	**198**	**258**
Phải thu dài hạn	5.30	5.30	5.30	0.17	0.34
Tài sản cố định	8.39	10.4	9.86	23.8	23.3
Bất động sản đầu tư	43.9	54.0	64.8	93.8	160
Tài sản dở dang	0.04	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	67.2	125	77.2	79.6	74.0
Tài sản dài hạn khác	0.22	0.38	0.39	0.85	0.96
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**104**	**66.8**	**98.6**	**102**	**109**
Nợ ngắn hạn	**101**	**63.8**	**95.3**	**98.9**	**106**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.3	20.8	40.8	47.2	47.1
Phải trả người bán ngắn hạn	25.1	19.2	26.3	22.0	29.9
Nợ dài hạn	2.92	2.94	3.36	3.36	3.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**348**	**344**	**353**	**364**	**387**
Vốn chủ sở hữu	**348**	**344**	**353**	**364**	**387**
Vốn điều lệ	214	214	214	214	214
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)